

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh thông báo thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 với nội dung như sau:

1. Phương thức tuyển sinh.

Trường dự kiến phương án tuyển sinh đại học với 3 nhóm phương thức với 5,300 chỉ tiêu được như sau:

STT	Phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu
Nhóm các phương thức xét tuyển theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT.		
1	Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT;	40%
2	Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024.	
Nhóm các phương thức theo kế hoạch xét tuyển riêng của Trường, các phương thức xét tuyển được ưu tiên theo thứ tự như sau:		
1	Ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh có: + Bài thi tú tài quốc tế (IB). + Chứng chỉ quốc tế A-level của trung tâm khảo thí ĐH Cambridge (Anh). + Kết quả kỳ thi SAT.	40%
2	Ưu tiên xét tuyển Học sinh Giỏi (HSG) THPT theo thứ tự như sau: o Ưu tiên xét tuyển HSG các Trường THPT nhóm 1 có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế theo quy định; o Ưu tiên xét tuyển HSG các Trường THPT nhóm 2 có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế theo quy định; o Ưu tiên xét tuyển HSG các Trường THPT nhóm 1; o Ưu tiên xét tuyển HSG các Trường THPT nhóm 2.	
3	Ưu tiên xét tuyển kết quả học tập THPT có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo quy định.	
4	Xét tuyển kết quả học tập THPT (Học bạ).	
Nhóm phương thức xét tuyển điểm thi đánh giá năng lực		
1	Kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2024 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.	20%
2	Kỳ thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính năm 2024 của Trường ĐH Sài Gòn và Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.	

◆ **Cụ thể như sau:**

1.1 Nhóm các phương thức xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh theo quy định, cách thức và thời gian nộp hồ sơ theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.
- Tổ hợp xét tuyển và điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế xem chi tiết tại phụ lục đính kèm.

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Trường và Bộ GD&ĐT.

Theo điều 8 Quy chế tuyển sinh ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGD&ĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng BGD&ĐT và điều 8 Quy chế tuyển sinh Trường kèm theo Quyết định số 1167/QĐ-ĐHM ngày 26/04/2023.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

Trường xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học và công bố trên trang thông tin điện tử của Trường, sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

1.2 Nhóm các phương thức theo kế hoạch xét tuyển riêng của Trường, các phương thức xét tuyển được ưu tiên theo thứ tự như sau:

- Thí sinh (căn cứ theo số CCCD) được đăng ký xét tuyển theo một phương thức duy nhất (trong phương thức 1 đến phương thức 4) và được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng (NV) và theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (NV1 là NV ưu tiên cao nhất); thí sinh chỉ trúng tuyển 01 (một) NV duy nhất.

- Xét tuyển theo ngành, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.
- Trường nhận hồ sơ trực tuyến (online) tại trang <https://tuyensinh.ou.edu.vn>. Thời gian dự kiến **từ 15/04/2024 đến 31/05/2024**.
- Tổ hợp xét tuyển và điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế xem chi tiết tại phụ lục đính kèm.

► **Phương thức 1:** Ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh có 1 trong các chứng chỉ quốc tế sau:

- (1) Dựa trên bài thi tú tài quốc tế (IB) tổng điểm 26 trở lên.
- (2) Chứng chỉ quốc tế A-level của trung tâm khảo thí ĐH Cambridge (Anh) theo điểm 3 môn thi (trở lên) đảm bảo mức điểm mỗi môn thi đạt từ C trở lên.
- (3) Kết quả kỳ thi SAT đạt từ 1100/1600.

► **Phương thức 2:** Ưu tiên xét tuyển Học sinh Giỏi THPT:

Điều kiện đăng ký xét tuyển chung:

- (1) Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024.
- (2) Có hạnh kiểm tốt 02 năm lớp 10, năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12.

(3) Kết quả học lực 02 năm lớp 10, năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt loại giỏi.

(4) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Đối với các Trường THPT nhóm 1: Tổng 3 môn trong tổ hợp xét tuyển, không nhân hệ số, không cộng điểm ưu tiên: từ 20,0 (hai mươi) điểm.

- Đối với các Trường THPT nhóm 2: Tổng 3 môn trong tổ hợp xét tuyển, không nhân hệ số, không cộng điểm ưu tiên: từ 22,0 (hai mươi hai) điểm trở lên và điểm trung bình chung các môn xét tuyển từ 7,0 trở lên.

(5) Điều kiện về Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (đối với nhóm ưu tiên xét tuyển có sử dụng CCNN): Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong thời hạn 02 năm:

+ Các ngành Ngôn ngữ: IELTS đạt 6.5 (hoặc các chứng chỉ khác có mức điểm quy đổi tương đương tại phụ mục đính kèm).

+ Các ngành còn lại: IELTS đạt 6.0 (hoặc các chứng chỉ khác có mức điểm quy đổi tương đương tại phụ mục đính kèm).

(6) Thứ tự Ưu tiên xét tuyển như sau:

1. Ưu tiên HSG các Trường THPT nhóm 1 có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế theo quy định;
2. Ưu tiên HSG các Trường THPT nhóm 2 có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế theo quy định.
3. Ưu tiên xét tuyển HSG các Trường THPT nhóm 1.
4. Ưu tiên xét tuyển HSG các Trường THPT nhóm 2.

(Các Trường THPT nhóm 1 nhà trường sẽ thông báo sau).

► **Phương thức 3: Ưu tiên xét tuyển kết quả học tập THPT có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định:**

- Điều kiện đăng ký: thí sinh thỏa mãn cùng lúc 02 điều kiện:

(1) Thí sinh thỏa mãn các điều kiện của Phương thức 4;

(2) Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong thời hạn 02 năm:

+ Các ngành Ngôn ngữ: IELTS đạt 6.5 (hoặc các chứng chỉ khác có mức điểm quy đổi tương đương tại phụ mục đính kèm).

+ Các ngành còn lại: IELTS đạt 6.0 (hoặc các chứng chỉ khác có mức điểm quy đổi tương đương tại phụ mục đính kèm).

► **Phương thức 4: Xét tuyển kết quả học tập THPT:**

- Điều kiện đăng ký hồ sơ: Tổng Điểm trung bình môn học các môn trong tổ hợp xét tuyển (Điểm Đăng ký xét tuyển - không bao gồm điểm ưu tiên) phải đạt từ 18,0 (mười tám) điểm trở lên đối với các ngành Công nghệ sinh học (đại trà và chất lượng cao), Công tác xã hội, Xã hội học, Đông Nam Á học; các ngành còn lại từ 22,0 (hai mươi hai) điểm trở lên.

- **Điểm đăng ký xét tuyển (ĐDKXT)** được xác định như sau:

$$\text{ĐDKXT} = \text{ĐTBM1} + \text{ĐTBM2} + \text{ĐTBM3}$$

Trong đó,

+ ĐTBMi: Điểm trung bình Môn học i (i từ 1 đến 3) trong tổ hợp xét tuyển, được làm tròn đến 02 chữ số thập phân.

$$\text{ĐTBMi} = \frac{\text{ĐTBMi Cả năm L10} + \text{ĐTBMi Cả năm L11} + \text{ĐTBMi HK1 L12}}{3}$$

- **Điểm xét tuyển (ĐXT)** được quy về thang điểm 30 và làm tròn đến 02 chữ số thập phân, cộng với điểm ưu tiên khu vực, đối tượng. Điểm xét tuyển được xác định theo công thức:

+ Trường hợp tổ hợp xét tuyển các ngành không có môn có hệ số:

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm TBM1} + \text{Điểm TBM2} + \text{Điểm TBM3} + \text{Điểm ưu tiên (Khu vực, đối tượng)}$$

+ Trường hợp tổ hợp xét tuyển các ngành có môn hệ số 2:

$$\text{ĐXT} = [(\text{Điểm TBM nhân hệ số } \times 2) + \text{Tổng điểm 2 môn ĐTB còn lại}] \times 3/4 + \text{Điểm ưu tiên (Khu vực, đối tượng)}$$

Trong đó:

- Tổ hợp xét tuyển có môn chính nhân hệ số được quy định tại phụ lục đính kèm.

- Thí sinh có thể sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (Đối với môn tiếng Anh, tiếng Nhật và tiếng Trung Quốc) để quy đổi điểm đăng ký xét tuyển đối với các tổ hợp có môn Ngoại ngữ xem bảng quy đổi điểm ngoại ngữ tại phụ lục đính kèm.

1.3 Nhóm phương thức xét tuyển điểm thi đánh giá năng lực.

Trường sử dụng kết quả để xét tuyển của các kỳ thi sau:

- Kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2024 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

- Kỳ thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính năm 2024 của Trường ĐH Sài Gòn và Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh. Trường sẽ xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học và công bố trên trang thông tin điện tử của Trường.

2. Ngành tuyển sinh: (Phụ lục đính kèm).

Một số điểm lưu ý:

- Từng đợt tuyển sinh nhà trường sẽ có thông báo và hướng dẫn cụ thể tại trang <https://tuyensinh.ou.edu.vn>.

- Thí sinh được hưởng các chính sách, ưu tiên và tuân theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

**Phụ lục: Mã tuyển sinh và tổ hợp tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 của
Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh**

STT	Ngành/Chương trình	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
A.	Chương trình chuẩn		
01	Ngôn ngữ Anh (1)	7220201	Toán, Lý, Anh (A01) Toán, Văn, Anh (D01) Văn, Sử, Anh (D14) Văn, KHXH, Anh (D78)
02	Ngôn ngữ Trung Quốc (1)	7220204	Văn, Toán, Ngoại Ngữ (D01-D06, DD2); Văn, KHXH, Ngoại Ngữ (D78-D83, DH8)
03	Ngôn ngữ Nhật (1)	7220209	
04	Ngôn ngữ Hàn Quốc (1)	7220210	
05	Kinh tế	7310101	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Hóa, Anh (D07) Toán, Văn, Anh (D01);
06	Xã hội học	7310301	Toán, Lý, Anh (A01); Văn, Sử, Địa (C00); Toán, Văn, Ngoại Ngữ (D01-D06, DD2); Văn, KH Xã Hội, Ngoại Ngữ (D78- D83, DH8)
07	Đông Nam Á học	7310620	
08	Quản trị kinh doanh	7340101	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Hóa, Anh (D07)
09	Marketing	7340115	
10	Kinh doanh quốc tế	7340120	
11	Tài chính Ngân hàng	7340201	
12	Bảo hiểm	7340204	
13	Công nghệ Tài chính	7340205	
14	Kế toán	7340301	
15	Kiểm toán	7340302	
16	Quản lý công	7340403	
17	Quản trị nhân lực	7340404	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Sử, Văn (C03); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Lý, Anh (A01)
18	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Hóa, Anh (D07)

STT	Ngành/Chương trình	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
19	Luật	7380101	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Văn, Sử, Địa (C00); Toán, Văn, Ngoại Ngữ (D01, D03, D05, D06)
20	Luật kinh tế	7380107	
21	Công nghệ sinh học	7420201	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Hóa, Anh (D07); Toán, Lý, Sinh (A02) Toán, Hóa, Sinh (B00);
22	Khoa học dữ liệu (2)	7460108	
23	Khoa học máy tính (2)	7480101	
24	Công nghệ thông tin (2)	7480201	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Hóa, Anh (D07)
25	Trí tuệ nhân tạo (2)	7480107	
26	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (2)	7510102	
27	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	
28	Công nghệ thực phẩm	7540101	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Hóa, Anh (D07); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Hóa, Sinh (B00)
29	Quản lý xây dựng (2)	7580302	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Hóa, Anh (D07)
30	Công tác xã hội	7760101	Toán, Lý, Anh (A01); Văn, Sử, Địa (C00); Toán, Văn, Ngoại Ngữ (D01-D06, DD2); Văn, KH Xã Hội, Ngoại Ngữ (D78- D83, DH8)
31	Du lịch	7810101	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Sử, Văn (C03); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Lý, Anh (A01)
32	Tâm lý học	7310401	Toán, Lý, Anh (A01); Văn, Sử, Địa (C00); Toán, Văn, Ngoại Ngữ (D01-D06, DD2); Văn, KH Xã Hội, Ngoại Ngữ (D78- D83, DH8)
B.	Chương trình chất lượng cao		

STT	Ngành/Chương trình	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
01	Ngôn ngữ Anh	7220201C	Toán, Lý, Anh (A01) Toán, Văn, Anh (D01) Văn, Sử, Anh (D14) Văn, KHXH, Anh (D78)
02	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204C	Văn, Toán, Ngoại Ngữ (D01-D06, DD2) Văn, KHXH, Ngoại Ngữ (D78-D83, DH8)
03	Ngôn ngữ Nhật	7220209C	
04	Kinh tế	7310101C	Toán, Hóa, Anh (D07); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, KHXH, Anh (D96)
05	Quản trị kinh doanh	7340101C	
06	Tài chính ngân hàng	7340201C	
07	Kế toán	7340301C	
08	Kiểm toán	7340302C	
09	Luật kinh tế	7380107C	Toán, Hóa, Anh (D07); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Văn, Sử, Anh (D14)
10	Công nghệ sinh học	7420201C	Toán, Sinh, Anh (D08); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Hóa, Sinh (B00); Toán, Hoá, Anh (D07)
11	Khoa học máy tính (2)	7480101C	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Hóa, Anh (D07); Toán, Lý, Anh (A01)
12	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (2)	7510102C	

Ghi chú:

(1) Môn Ngoại ngữ hệ số 2;

(2) Môn Toán hệ số 2;

- Các ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (đại trà, chất lượng cao), Ngôn ngữ Nhật (đại trà, chất lượng cao), Ngôn ngữ Hàn Quốc, Đông Nam Á học, Công tác xã hội, Xã hội học: Ngoại ngữ gồm Anh, Nga, Pháp, Đức, Nhật, Trung, Hàn Quốc.

- Các ngành Luật và Luật kinh tế, ngoại ngữ gồm Anh, Pháp, Đức, Nhật.

- Các ngành chương trình chất lượng cao môn Ngoại ngữ hệ số 2 (trừ Khoa học máy tính, Công nghệ kỹ thuật công trình xây và Công nghệ sinh học).